

Số: 2662/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án đưa đón học sinh đến trường bằng xe buýt điện
trên địa bàn các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh
năm học 2026 - 2027**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ và các nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;

Thực hiện Thông báo số 346-TB/TU ngày 02/7/2026 và Thông báo số 367-TB/TU ngày 16/7/2026 của Thường trực Tỉnh ủy; Thông báo số 137-TB/ĐU ngày

04/7/2026, Công văn số 1834-CV/ĐU ngày 17/7/2026 và Công văn số 1864-CV/ĐU ngày 23/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 122/TTr-SXD ngày 20/7/2026; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiếu ghi ý kiến kèm theo Công văn số 1280/VP.UBND-VHXXH ngày 20/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đưa đón học sinh đến trường bằng xe buýt điện trên địa bàn các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh năm học 2026 - 2027 (sau đây gọi tắt là Đề án), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Tổ chức đưa đón học sinh bằng xe buýt điện là giải pháp đồng bộ về giáo dục, giao thông, an sinh xã hội và chuyển đổi xanh, cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về phát triển giao thông xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển vận tải hành khách công cộng và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; lấy học sinh làm trung tâm, đặt yêu cầu an toàn trong quá trình vận hành lên hàng đầu trong toàn bộ quá trình chuẩn bị, tổ chức vận hành và đánh giá kết quả.

b) Việc triển khai phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực; phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, đơn vị cung cấp dịch vụ và cha mẹ học sinh.

c) Tổ chức thực hiện theo lộ trình, bảo đảm đồng bộ, khả thi, an toàn, hiệu quả; chỉ đưa vào vận hành các tuyến, phương tiện và hạng mục đã đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định.

2. Mục tiêu

a) Tổ chức mô hình đưa đón học sinh bằng xe buýt điện an toàn, văn minh, hiện đại, thuận tiện; nâng cao chất lượng phục vụ học sinh; giảm phương tiện cá nhân, giảm ùn tắc và nguy cơ mất an toàn giao thông tại khu vực trường học; từng bước hình thành thói quen sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng.

b) Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, vận hành; áp dụng các giải pháp công nghệ kết nối giữa nhà trường, phụ huynh và đơn vị vận hành nhằm bảo đảm an toàn, thuận tiện, minh bạch;

c) Đánh giá đầy đủ nhu cầu, mức độ an toàn, chất lượng dịch vụ, hiệu quả vận hành, chi phí ngân sách và khả năng huy động nguồn lực để hoàn thiện mô hình, làm cơ sở kịp thời điều chỉnh và xem xét nhân rộng khi đủ điều kiện.

3. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện

a) Phạm vi thực hiện: trên địa bàn các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh - khu vực có mật độ trường học, học sinh và nhu cầu đi lại lớn, thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông trong các khung giờ đưa đón học sinh; đồng thời có điều kiện hạ tầng cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức vận tải bằng xe buýt điện.

b) Đối tượng phục vụ: học sinh đang theo học tại các trường có cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu, có nhu cầu, đăng ký sử dụng dịch vụ và được bố trí theo khả năng phục vụ của từng tuyến.

c) Đối tượng áp dụng: các cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục, đơn vị cung cấp dịch vụ, cha mẹ học sinh và tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: trong năm học 2026-2027. Hoàn thành các điều kiện chuẩn bị, kiểm tra, nghiệm thu trước ngày 30/8/2026 để sẵn sàng vận hành theo kế hoạch năm học; tổ chức sơ kết sau học kỳ I và tổng kết khi kết thúc năm học.

4. Quy mô, nguyên tắc và phương án tổ chức vận hành

a) Tổ chức mạng lưới gồm 06 tuyến xe buýt điện đưa đón học sinh, kết nối giữa khu dân cư, các điểm đón, trả học sinh với trường hoặc cụm trường; dự kiến phục vụ 2.151/2.596 học sinh có nhu cầu theo phương án tuyến, đạt khoảng 82,9%. Tuyến, điểm đón, trả được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế, thời gian học tập, điều kiện hạ tầng giao thông, bảo đảm thuận tiện, an toàn và hạn chế ùn tắc, xung đột giao thông.

b) Giai đoạn đầu dự kiến bố trí khoảng 50 xe buýt điện loại 30 chỗ để tổ chức đưa đón học sinh trong năm học 2026-2027. Trường hợp nhu cầu tăng, việc bổ sung phương tiện được xem xét trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Đề án, khả năng cân đối nguồn lực và quyết định của cấp có thẩm quyền; tổng số phương tiện theo định hướng của Đề án không vượt quá 100 xe.

c) Phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ và đơn vị vận hành phải đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện phải được trang bị đầy đủ thiết bị giám sát hành trình, camera, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, hệ thống nhận diện và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác đưa đón học sinh; đảm bảo đầy đủ yêu cầu an toàn đối với hoạt động kinh doanh vận tải và đưa đón học sinh.

d) Hoạt động vận hành được tổ chức phù hợp với thời gian học tập của từng cơ sở giáo dục; bảo đảm việc quản lý, đón, trả và vận chuyển học sinh an toàn; tăng cường sự phối hợp giữa đơn vị vận tải, nhà trường và cha mẹ học sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải xây dựng phương án vận hành, phương án bảo đảm an toàn, xử lý tai nạn, sự cố và tổ chức chạy thử trước khi vận hành chính thức.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý học sinh, điều hành, theo dõi hành trình phương tiện và cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh, nhà trường; công khai tuyến, điểm đón, trả, giờ chạy, đường dây nóng; thiết lập hệ thống tiếp nhận, xử lý, phản hồi kiến nghị và sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm bảo đảm chất lượng dịch vụ, trật tự, an toàn giao thông và an ninh, an toàn trong suốt quá trình triển khai.

5. Hạ tầng phục vụ

a) Rà soát, đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hệ thống điểm đón, trả học sinh, khu vực đón, trả tại các cơ sở giáo dục, bãi đỗ xe (depot), trạm sạc, trạm biến áp, hệ thống cấp điện, biển báo, vạch sơn và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy mô phương tiện, phương án tổ chức vận hành, điều kiện thực tế và tiến độ triển khai Đề án.

b) Rà soát, tổ chức giao thông tại các điểm đón, trả học sinh, khu vực cổng trường và trên các tuyến hoạt động, bảo đảm an toàn, thuận tiện, hạn chế xung đột và ùn tắc giao thông.

c) Việc bố trí, sử dụng đất; đầu tư, xây dựng, cải tạo, quản lý, khai thác và sử dụng các hạng mục hạ tầng phục vụ Đề án phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và các điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Kinh phí, nguồn vốn và cơ chế thực hiện

a) Kinh phí thực hiện Đề án bao gồm kinh phí tổ chức hoạt động đưa đón học sinh bằng xe buýt điện; đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của xe buýt điện; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và các chi phí cần thiết khác để tổ chức thực hiện Đề án.

b) Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ ngân sách địa phương theo phân cấp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối ngân sách; nguồn vốn của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Đề án và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Nhu cầu kinh phí được xác định trên cơ sở quy mô, phạm vi triển khai, phương án tổ chức vận hành và các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, chế độ theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

d) Phương án tài chính và dự toán kinh phí thực hiện Đề án phải xác định rõ nguồn vốn, trách nhiệm bảo đảm kinh phí của các cơ quan, đơn vị và tiến độ bố trí nguồn lực; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đúng quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động đưa đón học sinh, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ đưa đón học sinh bằng xe buýt điện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; bảo đảm phù hợp với tiến độ triển khai Đề án.

e) Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ; quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí; đầu tư, quản lý, khai thác tài sản và hạ tầng phục vụ Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công (đối với các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công), giá, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu chung

Các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ của Đề án; chủ động xây dựng tiến độ và thực hiện các công việc chuẩn bị về cơ chế, chính sách, nguồn lực, hạ tầng, phương tiện, nhân sự, công nghệ, tổ chức vận hành và các điều kiện cần thiết khác, bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chất lượng, an toàn và tiến độ đề ra; hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị, kiểm tra, nghiệm thu trước ngày 30/8/2026 đề sẵn sàng đưa vào vận hành theo kế hoạch năm học 2026-2027.

Việc đưa các tuyến xe buýt điện vào vận hành được thực hiện theo lộ trình phù hợp với kết quả chuẩn bị và điều kiện thực tế; chỉ đưa vào hoạt động các tuyến, phương tiện và hạng mục đã đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra, kịp thời điều chỉnh, khắc phục những nội dung chưa bảo đảm yêu cầu; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng) xem xét, chỉ đạo.

Trong quá trình triển khai Đề án, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung về phạm vi, đối tượng, quy mô, tuyến, điểm đón, trả, phương án tổ chức vận hành, cơ chế thực hiện và các nội dung khác của Đề án để phù hợp với tình hình thực tế, Sở Xây dựng chủ trì rà soát, đánh giá, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan chủ trì, đầu mối tổ chức thực hiện Đề án; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền kế hoạch triển khai, điều phối và tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ; kịp thời xử lý theo thẩm quyền; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án tài chính, dự toán kinh phí; xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động đưa đón học sinh, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ đưa đón học sinh bằng xe buýt điện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, hoàn thành việc tham mưu, trình trước ngày 10/8/2026.

c) Chủ trì cụ thể hóa, hoàn thiện phương án tổ chức vận hành và các yêu cầu về tuyến, điểm đón, trả, phương tiện, nhân sự, quy trình quản lý, an toàn, ứng dụng công nghệ và xử lý tình huống trong kế hoạch triển khai, hồ sơ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ và hợp đồng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, phạm vi, đối tượng, quy mô, nguyên tắc và các nội dung của Đề án được phê duyệt, đúng quy định của pháp luật; tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đưa đón học sinh theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp kiểm tra, rà soát, bảo đảm chỉ đưa các tuyến xe vào hoạt động khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả, hiệu quả Đề án; đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện và xem xét nhân rộng mô hình khi đủ điều kiện; định kỳ hằng quý hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

đ) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng, tính đồng bộ, khả thi, hợp pháp, an toàn và hiệu quả trong toàn bộ quá trình chuẩn bị, tổ chức vận hành và thực hiện Đề án.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật và tổng hợp nhu cầu sử dụng dịch vụ đưa đón học sinh; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về số lượng học sinh, khu vực cư trú, thời gian học tập và các thông tin cần thiết; phối hợp với Sở Xây dựng xây dựng, rà soát, điều chỉnh tuyến, lịch trình, vị trí điểm đón, trả và quy mô phương tiện phù hợp.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục bố trí đầu mối, khu vực đón, trả học sinh; phối hợp với cha mẹ học sinh và đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức quản lý, đưa, đón, bàn giao học sinh, bảo đảm an toàn, chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường.

c) Chỉ đạo tổ chức thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn học sinh chấp hành nội quy, quy định và kỹ năng an toàn khi sử dụng xe buýt; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện tại các cơ sở giáo dục, kịp thời phối hợp xử lý các tình huống phát sinh; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính

Chủ trì rà soát nhu cầu, nguồn và khả năng cân đối kinh phí thực hiện Đề án trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật; phối hợp xây dựng, hoàn thiện hồ sơ cơ chế, chính sách hỗ trợ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí và quản lý tài sản công hình thành trong quá trình thực hiện Đề án theo quy định.

5. Sở Tư pháp

Hướng dẫn, rà soát trình tự, thủ tục và nội dung pháp lý trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách; khẩn trương tham gia ý kiến, thẩm định theo thẩm quyền đối với hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ và đúng quy định của pháp luật.

6. Sở Công Thương

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc đầu tư nâng cấp đường điện tới bãi đỗ xe, việc đầu tư trạm biến áp, trạm sạc và các hạng mục có liên quan, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn, đúng quy định và tiến độ thực hiện Đề án.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn, phối hợp giải quyết theo thẩm quyền các nội dung, thủ tục về đất đai, môi trường phục vụ đầu tư, xây dựng bãi đỗ xe, trạm sạc và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Đề án; kịp thời tham mưu xử lý các nội dung vượt thẩm quyền theo quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát hoạt động đưa đón học sinh bằng xe buýt điện.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổ chức họp báo, cung cấp thông tin cho báo chí khi cần thiết; làm đầu mối phối hợp, trao đổi với các cơ quan báo chí về công tác thông tin, tuyên truyền Đề án trên cơ sở thông tin, tài liệu do các cơ quan chuyên môn cung cấp.

10. Công an tỉnh

Phối hợp rà soát phương án tổ chức giao thông, vị trí các điểm đón, trả học sinh; hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và an ninh, trật tự; kịp thời phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ.

11. Công ty Điện lực Quảng Ninh

Chủ trì khảo sát, đầu tư, cải tạo, nâng cấp đường điện tới bãi đỗ xe thuộc phạm vi quản lý, đáp ứng nhu cầu của hệ thống trạm sạc xe buýt điện, hoàn thành trước ngày 15/8/2026; hướng dẫn các điều kiện kỹ thuật, phối hợp giải quyết các yêu cầu kỹ thuật và thủ tục liên quan, bảo đảm cấp điện an toàn, ổn định phục vụ vận hành.

12. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh

Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin, tuyên truyền kịp thời, chính xác về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung, tiến độ và kết quả thực hiện Đề án; hướng dẫn học sinh, cha mẹ học sinh sử dụng dịch vụ an toàn, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội.

13. UBND các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu

a) UBND phường Hà Tu chủ trì thực hiện các thủ tục và tổ chức đầu tư xây dựng bãi đỗ xe tại vị trí bãi đất tiếp giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu Hà Phong 5, phường Hà Tu, thuộc quỹ đất có ký hiệu 3C.BX-01 thuộc Điều chỉnh Quy hoạch phân khu 3 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 23/9/2024; hoàn thành, bảo đảm đủ điều kiện đưa vào sử dụng trước ngày 10/8/2026.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ sở giáo dục và cơ quan liên quan rà soát, xác định vị trí các điểm đón, trả học sinh; tổ chức đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hạ tầng điểm đón, trả trên địa bàn, hoàn thành trước ngày 15/8/2026.

c) Chủ trì xây dựng, triển khai phương án tổ chức giao thông tại khu vực công trường và các điểm đón, trả học sinh; phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình vận hành.

d) Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, cha mẹ học sinh đồng thuận, tạo điều kiện cho học sinh sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe buýt điện; giải quyết theo thẩm quyền và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn; kịp thời báo cáo Sở Xây dựng các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

14. Các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi triển khai Đề án

Phối hợp với đơn vị vận hành và cha mẹ học sinh rà soát, cập nhật nhu cầu sử dụng dịch vụ; bố trí đầu mối, khu vực đón, trả học sinh; tuyên truyền, hướng dẫn học sinh chấp hành nội quy, quy định và kỹ năng an toàn khi sử dụng xe buýt điện; phối hợp tổ chức đón, trả, giao, nhận học sinh chặt chẽ, an toàn; kịp thời phối hợp xử lý các tình huống phát sinh, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ tổ chức vận hành.

15. Đơn vị vận hành dịch vụ đưa đón học sinh bằng xe buýt điện

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ theo đúng phương án tổ chức vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng đã ký; bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn kỹ thuật phương tiện, an toàn giao thông, an ninh, trật tự và đầy đủ các điều kiện kinh doanh vận tải theo quy định. Tổ chức quản lý, điểm danh, giám sát học sinh trong suốt quá trình đưa đón; ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, theo dõi hành trình; cung cấp kịp thời thông tin cho cơ sở giáo dục và cha mẹ học sinh; phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành.

b) Đầu tư, hoàn thiện trạm sạc và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thuộc trách nhiệm của đơn vị, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy và đủ điều kiện vận hành trước ngày 30/8/2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Công ty Điện lực Quảng Ninh; Chủ tịch UBND các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban TGDV Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXXH HĐND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, GDĐT, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, KH-CN, NNMT, Nội vụ; Công an tỉnh;
- Công ty Điện lực Quảng Ninh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình QN;
- V0, V3; VX1; VX2; TH4, TM3, TM6, GT3;
- Lưu VT, GD. 065.11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Ánh